

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 13/FONTERRA BRANDS VIỆT NAM/2024



I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH FONTERRA BRANDS (VIỆT NAM)**

Địa chỉ: Tòa nhà Bitexco Financial, số 02, đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 028 3910 5659

Email: tam.le@fonterra.com

Website: www.anlene.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0309538611

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12, nghị định 15/2018/NĐ-CP.

II. Thông tin sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **THỰC PHẨM BỔ SUNG ANLENE HEART PLUS**

2. Thành phần: Sữa bột từ sữa bò (77,5%) (sữa bột gầy, bột whey và sữa bột nguyên chất), bột inulin, sterols thực vật, khoáng chất (Calci carbonat, Magnesi carbonat, Kẽm oxyd), bột Collagen (từ cá), bột DHA (từ Cá) – nguồn DHA & EPA, Vitamin (Vitamin E (DL-alpha-tocopheryl acetat), Vitamin C (Natri-L-ascorbat), Vitamin D3 (Cholecalciferol), Vitamin A (Retinyl acetat), Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid), Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid), Vitamin B9 (Acid pteroymonoglutamic), Vitamin B12 (Cyanocobalamin)), chất nhũ hóa (INS 322(i)) (từ đậu nành).

Thông tin về chất gây dị ứng: Có chứa sữa, cá và đậu nành.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 2 năm kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất, Hạn sử dụng: xem dưới đáy lon.

4. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói:

+ Quy cách đóng gói: đóng gói kín. Mỗi hộp có khối lượng tịnh: 750 g hoặc quy cách khác theo nhu cầu thị trường.

+ Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đựng trực tiếp trong lon thiếc, nắp nhựa PP. Bao bì đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

- + Sản xuất tại: Fonterra Brands (Malaysia) Sdn. Bhd.
- + Địa chỉ: Lot 12, Jalan Delima 1/1, Subang Hi-Tech Industrial Park, Batu Tiga, 40300 Shah Alam, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.
- + Xuất xứ: Malaysia

III. Mẫu nhãn sản phẩm: Mẫu nhãn sản phẩm đính kèm

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- + QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm
- + QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm
- + QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm
- + Thông tư số 24/2019/TT-BYT: Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- + Thông tư số 17/2023/TT-BYT: Thông tư sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2024

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH
FONTERRA BRANDS (VIỆT NAM)**



KT TỔNG GIÁM ĐỐC

VÕ THỊ THU HƯƠNG



THỰC PHẨM BỔ SUNG ANLENE HEART PLUS

Thành phần: Sữa bột từ sữa bò (77,5%) (sữa bột gầy, bột whey và sữa bột nguyên chất), bột inulin, sterols thực vật, khoáng chất (Calci carbonat, Magnesi carbonat, Kẽm oxyd), bột Collagen (từ Cá), Bột DHA (từ Cá) - nguồn DHA & EPA, Vitamin (Vitamin E (DL-alpha-tocopheryl acetat), Vitamin C (Natri-L-ascorbat), Vitamin D3 (Cholecalciferol), Vitamin A (Retinyl acetat), Vitamin B6 (Pyridoxin hydroclorid), Vitamin B1 (Thiamin hydroclorid), Vitamin B9 (Acid pteroymonoglutamic), Vitamin B12 (Cyanocobalamin)), chất nhũ hóa (INS 322(i)) (từ đậu nành).

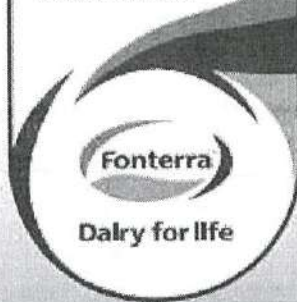
2 ly Anlene Heart Plus cung cấp 1,5 g sterols thực vật. Thông tin về chất gây dị ứng: Có chứa sữa, cá và đậu nành. **Khối lượng tịnh:** 750 g **Thời hạn sử dụng sản phẩm:** 2 năm kể từ ngày sản xuất. Ngày sản xuất, Hạn sử dụng xem dưới đáy lon. **Hướng dẫn sử dụng:** Cho 4,5 thìa sữa bột (khoảng 35 g) vào 200 ml nước ấm (đã đun sôi trước đó) và khuấy đều. **Hướng dẫn bảo quản:** Luôn đậy kín hộp thiếc và bảo quản ở nơi khô mát. Nên sử dụng trong vòng 1 tháng sau khi mở nắp để đảm bảo sản phẩm được thơm ngon. **Thông tin cảnh báo:** Sử dụng sản phẩm này trước ngày hết hạn ghi trên hộp thiếc. Không sử dụng nếu lá nhôm bị rách hoặc thủng. **Xuất xứ:** Malaysia. **Sản xuất tại:** Fonterra Brands (Malaysia) Sdn. Bhd. **Địa chỉ:** Lot 12, Jalan Delima 1/1, Subang Hi-Tech Industrial Park, Batu Tiga, 40300 Shah Alam, Selangor Darul Ehsan, Malaysia. **Xuất khẩu bởi:** Fonterra Brands (Malaysia) Sdn. Bhd. **Địa chỉ:** No. 23, Jalan Delima 1/1, Subang Hi-Tech Industrial Park, Batu Tiga, 40300 Shah Alam, Selangor Darul Ehsan, Malaysia. **Nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về sản phẩm:** CÔNG TY TNHH FONTERRA BRANDS (VIỆT NAM). **Địa chỉ:** Tòa nhà Bitexco Financial, số 02, đường Hải Triều, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. **Chăm sóc khách hàng:** 1800 6060 **Số tự công bố:** 13/FONTERRA BRANDS VIỆT NAM/2024.



Fonterra's Commitment

Our dedication lies in producing products of the highest quality, with the highest standards for food safety and quality. We are committed to ensuring every small detail meets our standards.

www.fonterra.com



TO PREPARE

Add 4.5 spoons of milk powder (Approx. 35g) to 200ml of warm (previously boiled) water and stir.

CAUTION

Use this product before expiry date indicated on tin. Do not use if aluminium foil is torn or punctured.

STORAGE

Always keep tin tightly closed and store in a cool dry place. To ensure freshness, use content within 1 month after opening it.

INGREDIENTS

Cow's Milk Powder (Skim Milk Powder, Whey Powder, Whole Milk Powder), Inulin Powder, Plant Sterols, Minerals (Calcium carbonate, Magnesium carbonate, Zinc oxide), Collagen Powder (from Fish), DHA Powder (from Fish) - source of DHA & EPA, Vitamins [Vitamin E (DL-alpha-tocopheryl acetate), Vitamin C (Sodium-L-ascorbate), Vitamin D3 (Cholecalciferol), Vitamin A (Retinyl acetate), Vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride), Vitamin B1 (Thiamine hydrochloride), Folic acid (Pteroylmethylglutamic acid), Vitamin B12 (Cyanocobalamin), Emulsifier (INS 322(i)) (from Soybean)].

Allergen Information: Contains milk, fish and soy

MANUFACTURER

Fonterra Brands (Malaysia) Sdn. Bhd. Lot 12, Jalan Delima 1/1, Subang Hi-Tech Industrial Park, Batu Tiga, 40300 Shah Alam, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.

EXPORTER

Fonterra Brands (Malaysia) Sdn. Bhd. No. 23, Jalan Delima 1/1, Subang Hi-Tech Industrial Park, Batu Tiga, 40300 Shah Alam, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.

MADE IN MALAYSIA

Production Date & Expiry Date indicated on tin bottom.

9 415007 058564

Cam kết của Fonterra

Chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng sứ mệnh của chúng tôi là cung cấp các sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên. Chúng tôi tự hào khi đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng thực phẩm hàng đầu và an toàn.

Chúng tôi luôn chú ý từng chi tiết nhỏ - đó chính là cam kết của chúng tôi.

www.fonterra.com

Fonterra™
Dairy for life

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

Thêm 4.5 muỗng sữa bột (Khoảng 35g) vào 200ml nước ấm (nước đã nấu sôi) và khuấy đều.

LƯU Ý

Sử dụng sản phẩm trước ngày hết hạn ghi trên lon. Không sử dụng nếu lớp nhôm bị rách hoặc thủng.

BẢO QUẢN

Luôn đậy kín nắp lon và bảo quản ở nơi khô ráo và thoáng mát. Để đảm bảo độ tươi, sử dụng sản phẩm trong vòng 1 tháng kể từ lúc mở nắp.

THÀNH PHẦN

Sữa bột từ sữa bò (sữa bột gầy, bột whey và sữa bột nguyên chất), bột inulin, sterols thực vật, khoáng chất (Calci carbonat, Magnesi carbonat, Kẽm oxyd), bột Collagen (từ cá), bột DHA (từ Cá) - nguồn DHA & EPA, Vitamin [Vitamin E (DL-alpha-tocopheryl acetat), Vitamin C (Natri-L-ascorbat), Vitamin D3 (Cholecalciferol), Vitamin A (Retinyl acetat), Vitamin B6 (Pyridoxin hydrochlorid), Vitamin B1 (Thiamin hydrochlorid), Vitamin B9 (Acid teroymonoglutamic), Vitamin B12 Cyanocobalamin), chất nhũ hóa (INS 322(i)) (từ đậu nành).

Thông tin về chất gây dị ứng: Có chứa sữa, cá và đậu nành.

NHÀ SẢN XUẤT

Fonterra Brands (Malaysia) Sdn. Bhd. - Lot 12, Jalan Delima 1/1, Subang Hi-Tech Industrial Park, Batu Tiga, 40300 Shah Alam, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.

ĐƠN VỊ XUẤT KHẨU

Fonterra Brands (Malaysia) Sdn. Bhd. No. 23, Jalan Delima 1/1, Subang Hi-Tech Industrial Park, Batu Tiga, 40300 Shah Alam, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.

XUẤT XỨ: MALAYSIA

Ngày sản xuất & Hạn sử dụng được in dưới đáy lon.

HEART^{PLUS}

AnleneTM

RECOMMENDED SERVING

2 glasses per day

NUTRITIONAL INFORMATION

Serving Size: 35g

Servings Per Package: 21

		Average nutritional value	
Nutrient	Unit	Per 100g powder	Per Serving (35g)
Energy	kcal	332	116
Protein	g	25.5	8.9
Collagen	g	1.4	0.5
Total Fat	g	5.00	1.75
Total DHA/EPA	mg	40	14
-DHA*	mg	32	11.2
-EPA*	mg	8	2.8
Carbohydrates	g	46.3	16.2
Total Sugars	g	42.9	15
Dietary Fiber	g	8.64	3
Vitamin A	mcg	500	175
Vitamin D3	mcg	21.4	7.5
Vitamin E	mg	5.8	2.03
Vitamin B1	mg	0.43	0.15
Vitamin B2	mg	1.25	0.4
Vitamin B6	mg	2.6	0.9
Vitamin B12	mcg	2.06	0.72
Folic Acid (Folate)	mcg (mcg DFE)	77 (129)	27 (45)
Vitamin C	mg	37	13
Calcium	mg	1715	600
Zinc	mg	5.8	2.03
Magnesium	mg	247	86.5
Potassium	mg	1200	420
Phosphorus	mg	500	175
Sodium	mg	300	105

*DHA and EPA are Omega

HEART PLUS ANLENETM

KHẨU PHẦN KHUYẾN NGHỊ

2 ly mỗi ngày

THÔNG TIN DINH DƯỠNG

Khẩu phần: 35g

Khẩu phần mỗi gói: 21

Gía trị dinh dưỡng trung bình

Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị	Trên 100g bột	Trên khẩu phần (35g)
Năng lượng	kcal	332	116
Protein	g	25.5	8.9
Collagen	g	1.4	0.5
Tổng chất béo	g	5.00	1.75
Tổng DHA/EPA	mg	40	14
-DHA*	mg	32	11.2
-EPA*	mg	8	2.8
Carbohydrat	g	46.3	16.2
Tổng đường	g	42.9	15
Chất xơ	g	8.64	3
Vitamin A	mcg	500	175
Vitamin D3	mcg	21.4	7.5
Vitamin E	mg	5.8	2.03
Vitamin B1	mg	0.43	0.15
Vitamin B2	mg	1.25	0.4
Vitamin B6	mg	2.6	0.9
Vitamin B12	mcg	2.06	0.72
Axit Folic (Folate)	mcg (mcg DFE)	77 (129)	27 (45)
Vitamin C	mg	37	13
Canxi	mg	1715	600
Kẽm	mg	5.8	2.03
Magiê	mg	247	86.5
Kali	mg	1200	420
Phốt pho	mg	500	175
Natri	mg	300	105

* DHA và EPA là Omega

BẢN DỊCH

HEART^{PLUS}

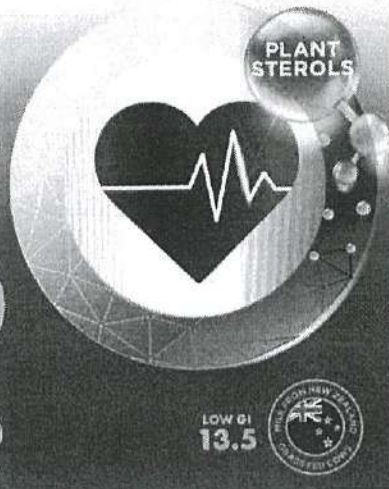
Anlene

- + PLANT STEROLS
- + OMEGA*
- + FOLATE (VITAMIN B9) & B12



PLAIN FLAVOUR
MILK POWDER

SUPPLEMENTED FOOD NET WEIGHT 750 g



LOW GI
13.5



HEART PLUS ANLENETM

STEROL THỰC
VẬT

- + STEROL THỰC VẬT
- + OMEGA
- + FOLATE (VITAMIN B9) & B12

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN FONTERRA BRANDS (VIỆT NAM)
(Đã ký và đóng dấu)
Võ Thị Thu Hương
Giám đốc Cung ứng

HEARTPLUS
+ MOVEPROTM

HƯƠNG VỊ CƠ BẢN
SỮA BỘT

Chỉ số glycemic index thấp là 13.5.
NGUỒN GỐC TỪ SỮA BÒ ĂN CỎ NEW ZEALAND

THỰC PHẨM BỔ SUNG TRỌNG LƯỢNG TỊNH 750 g

HEART^{PLUS}

Anlene

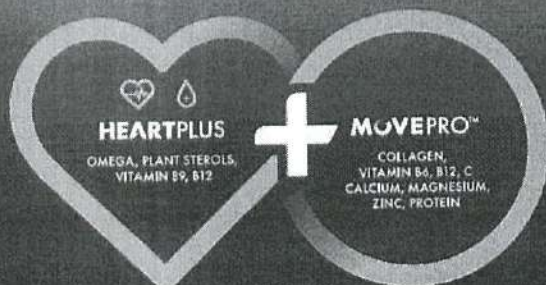
We believe that nothing should stop us from living life the way we want to.

We're all young at heart, so let's live life that way. Let's move freely and love our hearts more. Why not start now?

Live young in every way.

www.anlene.com

When you put the best in, you get the best out in life.
That's our double action formula.



ADULTS 40+

AnleneTM, MoveProTM, FONTERRA DAIRY FOR LIFETM are the trademarks of the Fonterra group of companies.

HEART PLUS ANLENETM

Chúng tôi tin rằng không có gì có thể ngăn cản chúng ta sống cuộc đời theo cách chúng ta mong muốn. Chúng ta đều trẻ trung trong tâm hồn, vậy

hãy sống như thế. Hãy tự do bước đi và yêu thương trái tim mình hơn. Tại sao không bắt đầu ngay bây giờ?

www.anlene.com

Khi bạn đầu tư vào điều tốt nhất, bạn sẽ nhận được điều tốt nhất trong cuộc sống. Đó chính là công thức hoạt động kép của chúng tôi.

HEARTPLUS
OMEGA, STEROL THỰC VẬT, VITAMIN B9, B12

MOVE PROTM
COLLAGEN, VITAMIN B6, B12, C, CANXI, MAGIÊ, KẼM, PROTEIN

SẢN PHẨM DÀNH CHO NGƯỜI LỚN 40 +
AnleneTM, MoveProTM, FONTERRA DAIRY FOR LIFETM là những nhãn hiệu đã đăng ký của tập đoàn Fonterra.

Tôi, Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch



Đặng Thị Hiền Mai

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 23 tháng 05 năm 2024 (Ngày hai mươi ba tháng năm, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư) Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, **CÔNG CHỨNG VIÊN** - Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật *Nguyễn Đức Tuấn*

CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do bà Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt.
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đặng Thị Hiền Mai;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 04 bản chính, mỗi bản gồm 04 tờ, 04 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng:9705.... Quyền số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Đức Tuấn



Report N°: 0000533419

Page N° 1/7

Ho Chi Minh City, Date: May 18, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 18/05/2024

JOB NO.: 2403A-3036

Đơn hàng: 2403A-3036

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : FONTERRA BRANDS (VIETNAM) CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FONTERRA BRANDS (VIỆT NAM)

CLIENT'S ADDRESS : BITEXCO FINANCIAL TOWER, 2 HAI TRIEU STR., BEN NGHE WARD,
Địa chỉ : DISTRICT 1, HO CHI MINH CITY, VIETNAM
TÒA NHÀ BITEXCO FINANCIAL, SỐ 02, ĐƯỜNG HẢI TRIỀU, PHƯỜNG BẾN NGHÉ,
QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : Anlene Heart Plus
Chủ thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 2.7kg) in 04 full labeled tin containers
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 2.7kg bao gồm bao bì) chứa trong 04 vật chứa bằng
thiếc nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2403A-3036.001
Mã số mẫu

Date sample(s) received : March 23, 2024
Ngày nhận mẫu : 23/03/2024

Testing period : March 23, 2024 - March 30, 2024
Thời gian thử nghiệm : 23/03/2024 - 30/03/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000533419

Page N° 2/7

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Enterobacteriaceae <i>Enterobacteriaceae</i>	ISO 21528-2:2017	<10	-	10	cfu/g	
2. E. coli <i>E. coli</i>	ISO 16649-2:2001	<10	-	10	cfu/g	
3. Coagulase-positive staphylococci (<i>Staphylococcus aureus</i> and other species) <i>Coagulase-positive staphylococci</i> (<i>Staphylococcus aureus</i> và nhóm khác dương tính với coagulase)	ISO 6888-1:2021/ Amd 1:2023	<10	-	10	cfu/g	
4. Staphylococcal enterotoxin A, B, C, D, E <i>Staphylococcal enterotoxin A, B, C, D, E</i>	ISO 19020:2017	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.0025	-	µg/25g	
5. <i>Listeria monocytogenes</i> <i>Listeria monocytogenes</i>	ISO 11290-2:2017	<10	-	10	cfu/g	
6. <i>Salmonella</i> spp. <i>Salmonella</i> spp.	ISO 6579-1:2017/ Amd 1:2020	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.6	-	cfu/25g	
7. Total Phosphorus (as P) <i>Phốtpho tổng (quy về P)</i>	ISO 9874:2006 (IDF 42:2006)	690	0.3	1	mg/100g	
8. Aflatoxin M1 <i>Aflatoxin M1</i>	ISO 14501:2021	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.03	0.1	µg/kg	
9. Melamine <i>Melamine</i>	ISO 23970:2021	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.01	0.03	mg/kg	
10. Collagen <i>Collagen</i>	SGS laboratory developed method (*)	1.40	-	-	g/100g	Note (2)
11. Folic acid (PteGlu) <i>Axit folic</i>	LFOD-TST-SOP-8454	126	1	3	µg/100g	
12. Aldrin and Dieldrin (sum, expressed as dieldrin) <i>Aldrin và Dieldrin (tổng, quy về dieldrin)</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000533419

Page N° 3/7

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
13. DDT (sum of p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE and p,p'-TDE (DDD) expressed as DDT) <i>DDT (tổng của p,p'-DDT, o,p'-DDT, p,p'-DDE và p,p'-TDE (DDD) quy về DDT)</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
14. Endosulfan (sum of endosulfan I, endosulfan II and endosulfan sulfate expressed as endosulfan) <i>Endosulfan (tổng của endosulfan I, endosulfan II và endosulfan sulfate quy về endosulfan)</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	mg/kg	
15. Aldrin <i>Aldrin</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
16. Cyfluthrin (sum of isomers) <i>Cyfluthrin (tổng các đồng phân)</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
17. DDE-p,p'- <i>DDE-p,p'-</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
18. DDT-o,p'- <i>DDT-o,p'-</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
19. DDT-p,p'- <i>DDT-p,p'-</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
20. Dieldrin <i>Dieldrin</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
21. TDE (DDD), p,p'- <i>TDE (DDD), p,p'-</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
22. Endosulfan I <i>Endosulfan I</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
23. Endosulfan II <i>Endosulfan II</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.003	0.01	mg/kg	
24. Endosulfan sulfate <i>Endosulfan sulfate</i>	EN 15662:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.002	0.005	mg/kg	
25. Gentamicin (sum of gentamicin C1, gentamicin C1a, gentamicin C2 and gentamicin C2a) <i>Gentamicin (tổng của gentamicin C1, gentamicin C1a, gentamicin C2 và gentamicin C2a)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist 3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 T(84-28) 3935 1920 F(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/terms-and-conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or

Report N°: 0000533419

Page N° 4/7

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
26. Streptomycin (sum of dihydrostreptomycin and streptomycin) <i>Streptomycin (tổng của dihydrostreptomycin và streptomycin)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
27. Dihydrostreptomycin <i>Dihydrostreptomycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
28. Streptomycin <i>Streptomycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8002 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
29. Penicillin G (Benzylpenicillin/Procaine benzylpenicillin (expressed as Benzylpenicillin)) <i>Penicillin G (Benzylpenicillin/Procaine benzylpenicillin (quy về Benzylpenicillin))</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8041 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	1	3	µg/kg	
30. Spiramycin (sum of Spiramycin and Neospiramycin expressed as Spiramycin) <i>Spiramycin (tổng của Spiramycin và Neospiramycin được quy về Spiramycin)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8041 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
31. Neospiramycin <i>Neospiramycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8041 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
32. Spiramycin <i>Spiramycin</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8041 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	10	30	µg/kg	
33. Chlortetracycline (sum of CTC and CTC-4-epi) <i>Chlortetracycline (tổng của CTC và CTC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
34. Chlortetracycline (CTC) <i>Chlortetracycline (CTC)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.5	1.5	µg/kg	
35. Chlortetracycline-4-epi (CTC-4-epi) <i>Chlortetracycline-4-epi (CTC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 ⁽¹⁾	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.5	1.5	µg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 ((84-28) 3935 1920 ((84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000533419

Page N° 5/7

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
36. Oxytetracycline (sum of OTC and OTC-4-epi) <i>Oxytetracycline (tổng của OTC và OTC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
37. Oxytetracycline (OTC) <i>Oxytetracycline (OTC)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
38. Oxytetracycline-4-epi (OTC-4-epi) <i>Oxytetracycline-4-epi (OTC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
39. Tetracycline (sum of TC and TC-4-epi) <i>Tetracycline (tổng của TC và TC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	_(a)	_(a)	µg/kg	
40. Tetracycline (TC) <i>Tetracycline (TC)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	
41. Tetracycline-4-epi (TC-4-epi) <i>Tetracycline-4-epi (TC-4-epi)</i>	CATH-LFOD-TST-SOP-8015 (*)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.3	1	µg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.
- LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantification (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000533419

Page N° 6/7

samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở đây ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở đây ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở đây ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

- (2) Collagen content was calculated by multiplying 4-hydroxyproline result with 8.
- (2) Hàm lượng collagen được tính bằng cách nhân kết quả 4-hydroxyproline với 8.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000532527-dated: 17/05/2024 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000532527-Ngày: 17/05/2024 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

***** END OF THE REPORT *****

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000533419

Page N° 7/7

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com.vn/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000533501

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: May 18, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 18/05/2024

JOB NO.: 2403A-3036

Đơn hàng: 2403A-3036

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : FONTERRA BRANDS (VIETNAM) CO., LTD
Tên khách hàng
CLIENT'S ADDRESS : BITEXCO FINANCIAL TOWER, 2 HAI TRIEU STR., BEN NGHE WARD,
Địa chỉ DISTRICT 1, HO CHI MINH CITY, VIETNAM
TÒA NHÀ BITEXCO FINANCIAL, SỐ 02, ĐƯỜNG HẢI TRIỀU, PHƯỜNG BẾN NGHÉ,
QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng
Client's reference : Anlene Heart Plus
Chú thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 2.7kg) in 04 full labeled tin containers
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 2.7kg bao gồm bao bì) chứa trong 04 vật chứa bằng
thiếc nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2403A-3036.001
Mã số mẫu

Date sample(s) received : March 23, 2024
Ngày nhận mẫu : 23/03/2024

Testing period : March 23, 2024 - March 30, 2024
Thời gian thử nghiệm : 23/03/2024 - 30/03/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward,
Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or





Report N°: 0000533501

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
1. Crude protein <i>Đạm thô</i>	ISO 8968-1:2014 (IDF 20-1:2014)	26.34	0.03	0.1	g/100g	N x 6.38
2. Available carbohydrate <i>Carbohydrat hữu hiệu</i>	AOAC 2020.07	46.36	0.05	0.15	g/100g	
3. Fat <i>Béo</i>	ISO 8262-3:2005 (IDF 124-3:2005)	5.21	0.13	0.44	g/100g	
4. Energy - Viet Nam (VN) market <i>Năng lượng - Thị trường Việt Nam</i>	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(*)	338	-	-	kcal/100g	
5. Total sugars (sum of Fructose, Galactose, Glucose, Lactose, Maltose, and Sucrose) <i>Đường tổng (tổng của Fructoza, Galactoza, Glucoza, Lactoza, Maltoza và Sucroza)</i>	ISO 22184:2021 (IDF 244:2021)	42.8	_(a)	_(a)	g/100g	
6. Fructose <i>Fructoza</i>	ISO 22184:2021 (IDF 244:2021)	0.121	0.03	0.1	g/100g	
7. Galactose <i>Galactoza</i>	ISO 22184:2021 (IDF 244:2021)	<0.1	0.03	0.1	g/100g	
8. Glucose <i>Glucoza</i>	ISO 22184:2021 (IDF 244:2021)	0.223	0.03	0.1	g/100g	
9. Lactose <i>Lactoza</i>	ISO 22184:2021 (IDF 244:2021)	42.3	0.03	0.1	g/100g	
10. Maltose <i>Maltoza</i>	ISO 22184:2021 (IDF 244:2021)	<0.1	0.03	0.1	g/100g	
11. Sucrose <i>Sucroza</i>	ISO 22184:2021 (IDF 244:2021)	0.212	0.03	0.1	g/100g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000533501

Page N° 3/4

- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (VN) Carbohydrate (available) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003)).
(VN) Hệ số của carbohydrate (hữu hiệu): 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO - Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003)).
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nắn mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,

Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/terms-and-conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or

1402
NG
HIỆT
HIỆM
PH



Report N°: 0000533501

Page N° 4/4

*This report cancels and supersedes the report No. 0000532527-dated: 17/05/2024 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000532527-Ngày: 17/05/2024 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.*

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/terms-and-conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000533546

Page N° 1/6

Ho Chi Minh City, Date: May 18, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 18/05/2024

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2403A-3036

Đơn hàng: 2403A-3036

CLIENT'S NAME : FONTERRA BRANDS (VIETNAM) CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FONTERRA BRANDS (VIỆT NAM)

CLIENT'S ADDRESS : BITEXCO FINANCIAL TOWER, 2 HAI TRIEU STR., BEN NGHE WARD,
Địa chỉ : DISTRICT 1, HO CHI MINH CITY, VIETNAM
TÒA NHÀ BITEXCO FINANCIAL, SỐ 02, ĐƯỜNG HẢI TRIỀU, PHƯỜNG BẾN NGHÉ,
QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : Anlene Heart Plus
Chú thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 2.7kg) in 04 full labeled tin containers
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 2.7kg bao gồm bao bì) chứa trong 04 vật chứa bằng
thiếc nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2403A-3036.001
Mã số mẫu

Date sample(s) received : March 23, 2024
Ngày nhận mẫu : 23/03/2024

Testing period : March 23, 2024 - March 30, 2024
Thời gian thử nghiệm : 23/03/2024 - 30/03/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/terms-and-conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000533546

Page N° 2/6

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte <i>Chỉ tiêu phân tích</i>	Method <i>Phương pháp</i>	Result <i>Kết quả</i>	LOD	LOQ	Unit <i>Đơn vị</i>	Remark <i>Chú thích</i>
1. Vitamin A (determined and expressed as retinol) <i>Vitamin A (xác định và thể hiện dưới dạng retinol)</i>	LFOD-TST-SOP-8596	0.77	0.02	0.05	mg/100g	
2. Vitamin D (sum of vitamin D2 and vitamin D3) <i>Vitamin D (tổng của vitamin D2 và vitamin D3)</i>	ISO 20636:2018	34	_(a)	_(a)	µg/100g	
3. Vitamin D2 (ergocalciferol) <i>Vitamin D2 (ergocalciferol)</i>	ISO 20636:2018	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.1	0.3	µg/100g	
4. Vitamin D3 (cholecalciferol) <i>Vitamin D3 (cholecalciferol)</i>	ISO 20636:2018	34	0.1	0.3	µg/100g	
5. Vitamin B1 (thiamin) <i>Vitamin B1 (thiamin)</i>	ISO 21470:2020	640	3	10	µg/100g	
6. Vitamin B2 (riboflavin) <i>Vitamin B2 (riboflavin)</i>	ISO 21470:2020	1261	3	10	µg/100g	
7. Vitamin B6 (sum of pyridoxine, pyridoxal, pyridoxamine, expressed as Pyridoxine) <i>Vitamin B6 (tổng của pyridoxine, pyridoxal, pyridoxamine, quy về Pyridoxine)</i>	ISO 21470:2020	2891	_(a)	_(a)	µg/100g	
8. Pyridoxine <i>Pyridoxine</i>	ISO 21470:2020	2488	3	10	µg/100g	
9. Pyridoxamine <i>Pyridoxamine</i>	ISO 21470:2020	40	3	10	µg/100g	
10. Pyridoxal <i>Pyridoxal</i>	ISO 21470:2020	358	3	10	µg/100g	
11. Vitamin B12 (Cyanocobalamin) <i>Vitamin B12 (Cyanocobalamin)</i>	ISO 20634:2015	2.2	0.05	0.15	µg/100g	
12. Total tocopherols (sum of α, β, γ, and δ-tocopherol) <i>Tocopherols tổng (tổng của α, β, γ và δ-tocopherol)</i>	LFOD-TST-SOP-8596	12	_(a)	_(a)	mg/100g	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 ((84-28) 3935 1920 ((84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
 of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
 this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
 at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
 Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
 to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
 documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000533546

Page N° 3/6

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
13. α -Tocopherol <i>α-Tocopherol</i>	LFOD-TST-SOP-8596	10	0.05	0.15	mg/100g	
14. β -Tocopherol <i>β-Tocopherol</i>	LFOD-TST-SOP-8596	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	0.05	0.15	mg/100g	
15. δ -Tocopherol <i>δ-Tocopherol</i>	LFOD-TST-SOP-8596	0.65	0.05	0.15	mg/100g	
16. γ -Tocopherol <i>γ-Tocopherol</i>	LFOD-TST-SOP-8596	1.4	0.05	0.15	mg/100g	
17. Vitamin E (as α -Tocopherol) <i>Vitamin E (tính theo α-Tocopherol)</i>	LFOD-TST-SOP-8596	10	0.05	0.15	mg/100g	
18. Vitamin E (sum of α , β , γ , and δ -tocopherol as α -TE) (synthetic) <i>Vitamin E (tổng của α, β, γ và δ-tocopherol quy về α-TE) (tổng hợp)</i>	LFOD-TST-SOP-8596	7.6	_(a)	_(a)	mg/100g	
19. Vitamin E (as α -Tocopherol (synthetic) label claim) <i>Vitamin E (tính theo α-Tocopherol (tổng hợp) công bố trên nhãn)</i>	LFOD-TST-SOP-8596	5.0	0.025	0.075	mg/100g	
20. Vitamin C (sum of L-ascorbic acid, its salts and dehydroascorbic acid) <i>Vitamin C (tổng của axit L-ascorbic, các dạng muối và axit dehydroascorbic)</i>	LFOD-TST-SOP-8429	37	2	5	mg/100g	
21. Calcium (Ca) <i>Canxi</i>	ISO 15151:2018 (IDF 229:2018)	2139	-	0.25	mg/100g	
22. Zinc (Zn) <i>Kẽm</i>	ISO 15151:2018 (IDF 229:2018)	6.7	-	0.01	mg/100g	
23. Magnesium (Mg) <i>Magie</i>	ISO 15151:2018 (IDF 229:2018)	340	-	0.01	mg/100g	
24. Potassium (K) <i>Kali</i>	ISO 15151:2018 (IDF 229:2018)	1289	-	0.25	mg/100g	
25. Tin (Sn) <i>Thiếc</i>	ISO 21424:2018 (IDF 243:2018)	0.095	-	0.05	mg/kg	
26. Antimony (Sb) <i>Antimon</i>	ISO 21424:2018 (IDF 243:2018)	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	-	0.05	mg/kg	
27. Arsenic (As) <i>Asen</i>	AOAC 2013.06	Not Detected <i>Không phát hiện</i>	-	0.01	mg/kg	

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000533546

Page N° 4/6

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
28. Mercury (Hg) Thủy ngân	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.01	mg/kg	
29. Lead (Pb) Chì	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.01	mg/kg	
30. Cadmium (Cd) Cadimi	AOAC 2013.06	Not Detected Không phát hiện	-	0.005	mg/kg	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOAC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOAC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được để cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- (VN) Carbohydrate (available) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003)).
(VN) Hệ số của carbohydrate (hữu hiệu): 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g; 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO - Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003)).
- For D-Tocopherol (natural), Vitamin E can be expressed as below:
 - Vitamin E (as α -Tocopherol (natural) label claim): 1 mg vitamin E (as α -Tocopherol) label claim = 1 mg of natural D- α -Tocopherol.
 - Vitamin E (expressed in α -Tocopherol equivalent) (mg/100g) = α -Tocopherol (mg/100g) + 0.5 β -Tocopherol (mg/100g) + 0.1 γ -Tocopherol (mg/100g) + 0.03 δ -Tocopherol (mg/100g).
 - Vitamin E (as α -Tocopherol) in IU unit: 1 IU = 0.67 mg for D- α -Tocopherol (natural) (according to US regulation until 31-Dec-2019).
- Với D-Tocopherol (tự nhiên), Vitamin E có thể được quy về như sau:
 - Vitamin E (tính theo α -Tocopherol (tự nhiên) công bố trên nhãn): 1 mg vitamin E (tính theo α -Tocopherol) công bố trên nhãn = 1 mg D- α -Tocopherol tự nhiên.
 - Vitamin E (quy về α -Tocopherol tương đương) (mg/100g) = α -Tocopherol (mg/100g) + 0.5 β -Tocopherol (mg/100g) + 0.1 γ -Tocopherol (mg/100g) + 0.03 δ -Tocopherol (mg/100g).
 - Vitamin E (tính theo α -Tocopherol) theo đơn vị IU: 1 IU = 0.67 mg đối với D- α -Tocopherol (tự nhiên) (theo quy định của Hoa Kỳ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019).
- For D,L-Tocopherol (synthetic), Vitamin E can be expressed as below:
 - Vitamin E (as α -Tocopherol (synthetic) label claim): 1 mg vitamin E (as α -tocopherol) label claim = 2 mg of synthetic D,L- α -Tocopherol.
 - Vitamin E (expressed in α -Tocopherol equivalent) (mg/100g) = 0.74 α -Tocopherol (mg/100g) + 0.5 β -Tocopherol (mg/100g) + 0.1 γ -Tocopherol (mg/100g) + 0.03 δ -Tocopherol (mg/100g).
 - Vitamin E (as α -Tocopherol) in IU unit: 1 IU = 0.9 mg for D,L- α -Tocopherol (synthetic) (according to US regulation until 31-Dec-2019).
- Với D,L-Tocopherol (tổng hợp), Vitamin E có thể được quy về như sau:
 - Vitamin E (tính theo α -Tocopherol (tổng hợp) công bố trên nhãn): 1 mg vitamin E (tính theo α -Tocopherol) công bố trên nhãn = 2 mg D,L- α -Tocopherol tổng hợp.
 - Vitamin E (quy về α -Tocopherol tương đương) (mg/100g) = 0.74 α -Tocopherol (mg/100g) + 0.5 β -Tocopherol (mg/100g) + 0.1 γ -Tocopherol (mg/100g) + 0.03 δ -Tocopherol (mg/100g).

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000533546

Page N° 5/6

- Vitamin E (tính theo α -Tocopherol) theo đơn vị IU: 1 IU = 0.9 mg đối với D,L- α -Tocopherol (tổng hợp) (theo quy định của Hoa Kỳ đến ngày 31 tháng 12 năm 2019).

- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000532527-dated: 17/05/2024 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000532527-Ngày: 17/05/2024 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park In Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000533546

Page N° 6/6

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 6th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000535668

Page N° 1/3

Ho Chi Minh City, Date: May 21, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 21/05/2024

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2405A-1712

Đơn hàng: 2405A-1712

CLIENT'S NAME : **FONTERRA BRANDS (VIETNAM) CO., LTD**
Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH FONTERRA BRANDS (VIỆT NAM)**

CLIENT'S ADDRESS : **BITEXCO FINANCIAL TOWER, 2 HAI TRIEU STR., BEN NGHE WARD,**
Địa chỉ : **DISTRICT 1, HO CHI MINH CITY, VIETNAM**
TÒA NHÀ BITEXCO FINANCIAL, SỐ 02, ĐƯỜNG HẢI TRIỀU, PHƯỜNG BÊN NGHÉ,
QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : **Client**
Được lấy/ gửi bởi : **Khách hàng**

Client's reference : **Anlene Heart Plus**
Chú thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : **Dairy product (approx. gr. wt. 0.8kg) in the full labeled tin**
Mô tả mẫu : **container**
: **Sản phẩm từ sữa (khoảng 0.8kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng**
thiếc nhãn mác đầy đủ

Sample ID : **2405A-1712.001**
Mã số mẫu

Date sample(s) received : **May 14, 2024**
Ngày nhận mẫu : **14/05/2024**

Testing period : **May 14, 2024 - May 20, 2024**
Thời gian thử nghiệm : **14/05/2024 - 20/05/2024**

Test(s) requested : **As applicant's requirement**
Yêu cầu thử nghiệm : **Theo yêu cầu của khách hàng**

Test result(s) : **Please refer to the next page(s)**
Kết quả kiểm nghiệm : **Vui lòng tham khảo trang sau**



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000535668

Page N° 2/3

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total dietary fiber TDF Xơ tổng TDF	AOAC 2017.16	15.97	_(a)	_(a)	g/100g	
2. Insoluble dietary fiber IDF and High molecular weight soluble dietary fiber HMW SDF Xơ không hòa tan IDF và xơ hòa tan phân tử cao HMW SDF	AOAC 2017.16	5.18	0.15	0.45	g/100g	
3. Low molecular weight soluble dietary fiber LMW SDF Xơ hòa tan phân tử thấp LMW SDF	AOAC 2017.16	10.79	0.01	0.02	g/100g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOAC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOAC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**).
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
 of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
 This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
 this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
 at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
 Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
 to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
 documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000535668

Page N° 3/3

0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở đây ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở đây ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở đây ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of

SGS Vietnam LTD

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam

Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự

Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tân Bình IZ, Tây Thanh Ward, Tân Phú Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/vn/terms-and-conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000533457

Page N° 1/3

Ho Chi Minh City, Date: May 18, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 18/05/2024

ANALYSIS REPORT
BÁO CÁO PHÂN TÍCH

JOB NO.: 2403A-3036

Đơn hàng: 2403A-3036

CLIENT'S NAME : FONTERRA BRANDS (VIETNAM) CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FONTERRA BRANDS (VIỆT NAM)

CLIENT'S ADDRESS : BITEXCO FINANCIAL TOWER, 2 HAI TRIEU STR., BEN NGHE WARD,
Địa chỉ : DISTRICT 1, HO CHI MINH CITY, VIETNAM
TÒA NHÀ BITEXCO FINANCIAL, SỐ 02, ĐƯỜNG HẢI TRIỀU, PHƯỜNG BẾN NGHÉ,
QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:
THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng

Client's reference : Anlene Heart Plus
Chú thích của khách hàng

The above information is submitted and identified by the client/applicant.
Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Food (approx. gr. wt. 2.7kg) in 04 full labeled tin containers
Mô tả mẫu : Thực phẩm (khoảng 2.7kg bao gồm bao bì) chứa trong 04 vật chứa bằng
thiếc nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2403A-3036.001
Mã số mẫu

Date sample(s) received : March 23, 2024
Ngày nhận mẫu : 23/03/2024

Testing period : March 23, 2024 - March 30, 2024
Thời gian thử nghiệm : 23/03/2024 - 30/03/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<http://www.sgs.com/en/terms-and-conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.
This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or





Report N°: 0000533457

Page N° 2/3

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Sodium (Na) Natri	ISO 15151:2018 (IDF 229:2018)	277	-	0.25	mg/100g	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOAC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOAC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao ().*
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
*Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.*
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.
LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kì phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 (84-28) 3935 1920 (84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/terms-and-conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



Report N°: 0000533457

Page N° 3/3

g (hoặc 1 mL) ở đáy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở đáy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở đáy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

This report cancels and supersedes the report No. 0000532527-dated: 17/05/2024 issued by SGS Vietnam Ltd.
Báo cáo này hủy bỏ và thay thế cho báo cáo có mã số 0000532527-Ngày: 17/05/2024 được phát hành bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH.

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



Customer's feedback - Food Lab

Signed for and on behalf of
SGS Vietnam LTD
Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam
Lâm Văn Xự



Lâm Văn Xự
Giám Đốc Ngành Sức Khỏe Và Dinh Dưỡng



SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St., Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained herein reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or



BV-AQ (Singapore) Pte. Ltd. | 29 Tai Seng Avenue #06-07 Natural Cool Lifestyle Hub |
Singapore 534119

t. +65 6742 2006 | e. customerservices.singapore@bvaq.com | w. www.bvaq.com

Một công ty được thuộc cơ quan Bureau Veritas Assurance Quality



Giấy chứng nhận phân tích

Tam Le
Công ty TNHH Fonterra Brands (Việt Nam)
Toà nhà Bitexco, Số 2 Đường Hải Triều, Phường Bến
Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Số hồ sơ đệ trình: MS/23-36 NIP(S)

Báo cáo cuối cùng

Mã định danh trước khi đăng ký: BVAQLAB0178022

Đơn đặt hàng số: 9500307944

Ngày cấp báo cáo: 11/08/2023

Số tham chiếu BVAQ: 23-192509a

Ngày nhận mẫu: 19/07/2023 11:50

Bên lấy mẫu: IKA

Nhận xét

Kết quả

Các kiểm tra được thực hiện trên các mẫu đã nhận.

Tên mẫu của khách hàng: Anlene Heart Plus

Mã định danh phòng Lab: 23-192509-1

Tình trạng mẫu: Được chấp nhận

Kiểm tra	Kết quả	Đơn vị	Tham chiếu phương pháp kiểm tra
Sterol Tổng	2300	mg/100 g	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Lipid Châu Âu (2005)

(Đã ký)

Ng Jee Hui

Trợ lý giám sát viên

(Chữ ký được ủy quyền)



Các kết quả được báo cáo trong văn bản này đã được thực hiện theo đúng các điều khoản về chứng nhận của Ủy ban Chứng nhận Singapore. Các kết quả được báo cáo chỉ liên quan đến mẫu kiểm tra đã tiếp nhận, không liên quan đến mẫu hoặc sản phẩm mà mẫu kiểm tra được lấy ra. Các kiểm tra được thực hiện theo phiên bản phương pháp mới nhất trừ khi có chỉ định khác. Báo cáo này không được sử dụng cho các mục đích quảng cáo. Ngày thực hiện kiểm tra sẽ được cung cấp khi có yêu cầu. Các điều khoản kinh doanh theo tiêu chuẩn của BVAQ áp dụng cho phân tích được đề cập đến trong báo cáo này.

Mã số báo cáo: 3914624 Không được phép sao chép từng phần báo cáo này khi không có sự đồng ý bằng văn bản của phòng thí nghiệm.

Trang 1/1

U

m

CÔNG CHÚNG VIÊN
Trần Thị Huyền



Certificate of Analysis

Submission Reference: MS/23-36 NIP(S)

Final Report

Pre-registration ID: BVAQLAB0178022

PO Number: 9500307944

Tam Le
Fonterra Brands (Vietnam) Co. Ltd
Bitexco Financial Tower, No.2 Hai Trieu Street, Ben
Nghe Ward, District 1,
Ho Chi Minh City
Viet Nam

Report Issued: 11-Aug-2023

BVAQ Reference: 23-192509a

Sample(s) Received: 19-Jul-2023 11:50

Sampled By: IKA

Comments

Results

The tests were performed on the samples as received.

Customer Sample Name: Anlene Heart Plus

Lab ID: 23-192509-1

Sample Condition: Acceptable

Subcontracted Tests

Test	Result	Unit	Method Reference
Total sterol	2300	mg/100 g	European Journal of Lipid Science & Technology (2005)

Ng Jee Hui

Assistant Supervisor

(Approved Signatory)

Reported results relate only to the test sample as received, not to the sample or product from which the test sample was drawn. Tests are performed to the most recent method version unless otherwise indicated. This report shall not be used for advertising purposes. The date of test performance is available upon request. BVAQ standard business terms apply to the analysis set out in this report.





BV-AQ (Singapore) Pte. Ltd. | 29 Tai Seng Avenue #06-07 Natural
Cool Lifestyle Hub | Singapore 534119

t. +65 6742 2006 | e. customerservices.singapore@bvaq.com | w.
www.bvaq.com

Một công ty được thuộc cơ quan Bureau Veritas AsureQuality



BẢN DỊCH

Giấy chứng nhận phân tích

Tam Le
Công ty TNHH Fonterra Brands (Việt Nam)
Toà nhà Bitexco, Số 2 Đường Hải Triều, Phường Bến
Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Số hồ sơ đệ trình: MS/23-36 NIP(S)

Báo cáo cuối cùng

Mã định danh trước khi đăng ký: BVAQLAB0178022

Đơn đặt hàng số: 9500307944

Ngày cấp báo cáo: 11/08/2023

Số tham chiếu BVAQ: 23-192509b

Ngày nhận mẫu: 19/07/2023 11:50

Bên lấy mẫu: IKA

Nhận xét

Kết quả

Các kiểm tra được thực hiện trên các mẫu đã nhận.

Tên mẫu của khách hàng: Anlene Heart Plus

Mã định danh phòng Lab: 23-192509-1

Tình trạng mẫu: Được chấp nhận

Kiểm tra	Kết quả	Đơn vị	Tham chiếu phương pháp kiểm tra
Docosahexaenoic C22:6n-3 (DHA)	74,4	mg/100 g	AOAC 991.39
Eicosapentanaoic C20:5n-3 (EPA)	24,5	mg/100 g	AOAC 991.39

(Đã ký)

Rachel Tsen

Tổ trưởng tổ Hóa học

(Chữ ký được ủy quyền)

Các kết quả được báo cáo trong văn bản này đã được thực hiện theo đúng các điều khoản về chứng nhận của Ủy ban Chứng nhận Singapore. Các kết quả được báo cáo chỉ liên quan đến mẫu kiểm tra đã tiếp nhận, không liên quan đến mẫu hoặc sản phẩm mà mẫu kiểm tra được lấy ra. Các kiểm tra được thực hiện theo phiên bản phương pháp mới nhất trừ khi có chỉ định khác. Báo cáo này không được sử dụng cho các mục đích quảng cáo. Ngày thực hiện kiểm tra sẽ được cung cấp khi có yêu cầu. Các điều khoản kinh doanh theo tiêu chuẩn của BVAQ áp dụng cho phân tích được đề cập đến trong báo cáo này.

Mã số báo cáo: 4007203 Không được phép sao chép từng phần báo cáo này khi không có sự đồng ý bằng văn bản của phòng thí nghiệm.

Trang 1/1



Tôi, Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022; cam đoan dịch chính xác giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Người dịch



Đặng Thị Hiền Mai

LỜI CHỨNG CỦA CÔNG CHỨNG VIÊN

Hôm nay, ngày 28 tháng 11 năm 2024 (Ngày hai mươi tám tháng mười một, năm hai nghìn không trăm hai mươi tư)

Tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, địa chỉ tại số 165 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tôi, *Trần Thị Huyền* Công chứng viên, trong phạm vi trách nhiệm của mình theo quy định của pháp luật.

CHỨNG NHẬN

- Bản dịch này do bà Đặng Thị Hiền Mai, CCCD số: 011300000005 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/03/2022, là cộng tác viên phiên dịch của Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội, đã dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt .
- Chữ ký trong bản dịch đúng là chữ ký của bà Đặng Thị Hiền Mai;
- Nội dung của bản dịch chính xác, không vi phạm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội;
- Văn bản công chứng này được lập thành 02 bản chính, mỗi bản gồm 2 tờ, 2 trang, lưu một (1) bản tại Văn phòng Công chứng Nguyễn Huệ, thành phố Hà Nội.

Số công chứng: 28189

Quyển số: 01 /2024 TP/CC-SCC/BD

CÔNG CHỨNG VIÊN



CÔNG CHỨNG VIÊN

Trần Thị Huyền

89
PH
CHI
IÊN
A-1



BV-AQ (Singapore) Pte. Ltd. | 29 Tai Seng Avenue
#06-07 Natural Cool Lifestyle Hub | Singapore 534119
t. +65 6742 2006 | e. customerservices.singapore@bvaq.com | w. www.bvaq.com
A Bureau Veritas Assurance Quality Company



Certificate of Analysis

Submission Reference: MS/23-36 NIP(S)

Final Report

Pre-registration ID: BVAQLAB0178022

PO Number: 9500307944

Tam Le
Fonterra Brands (Vietnam) Co. Ltd
Bitexco Financial Tower, No.2 Hai Trieu Street, Ben
Nghe Ward, District 1,
Ho Chi Minh City
Viet Nam

Report issued: 11-Aug-2023

BVAQ Reference: 23-192509b

Sample(s) Received: 19-Jul-2023 11:50

Sampled By: IKA

Comments

Results

The tests were performed on the samples as received.

Customer Sample Name: Anlene Heart Plus

Lab ID: 23-192509-1

Sample Condition: Acceptable

Test	Result	Unit	Method Reference
Docosahexaenoic C22:6n-3 (DHA)	74.4	mg/100 g	AOAC 991.39
Eicosapentanaeic C20:5n-3 (EPA)	24.5	mg/100 g	AOAC 991.39

Rachel Tsen
Team Leader Chemistry
(Approved Signatory)



The results reported herein have been performed in accordance with the terms of accreditation under the Singapore Accreditation Council. Reported results relate only to the test sample as received, not to the sample or product from which the test sample was drawn. Tests are performed to the most recent method version unless otherwise indicated. This report shall not be used for advertising purposes. The date of test performance is available upon request. BVAQ standard business terms apply to the analysis set out in this report.

Report Number: 4007203 This report must not be reproduced except in full, without the prior written approval of the laboratory.

Page 1 of 1